

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27/2020/HNGĐ-PT**

Ngày 02- 11- 2020

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn

Ông Nguyễn Phước Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Bà Lương Thị Hương- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2020/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn và nuôi con khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 87/2020/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 165/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1989 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Mỹ An 1, xã MHH, TP.LX-AG.

Nơi tạm trú: Tổ 4, ấp Mỹ Long 1, xã MHH, TP.LX-AG.

2. Bị đơn: Ông Võ Thanh B, sinh năm 1987 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Mỹ An 4, xã MHH, TP.LX-AG.

4. Người kháng cáo: Ông Võ Thanh B là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và ông Võ Thanh B tìm hiểu và tự nguyện tổ chức lễ cưới vào tháng 9/2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MHH, TP.LX-AG theo Giấy chứng nhận kết hôn số 116 ngày 17/6/2008, hôn nhân lần thứ nhất. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau nên đã chính thức ly thân từ tháng 5/2017 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên bà yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Võ Thị Trúc L1, sinh ngày 15/10/2008 và Võ Thị Trúc L2, sinh ngày 19/02/2013. Khi ly hôn, bà có yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết thì ông B đã dẫn cháu L1 đi đâu không rõ. Hiện nay bà không liên lạc được với ông B nên bà không biết ông B và cháu L1 đang ở đâu. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L2 và không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi cháu L2. Bà rút lại yêu cầu giành quyền nuôi con chung đối với cháu L1.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Võ Thanh B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N nên không kháng cáo.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thị Trúc L1, sinh ngày 15/10/2008 và Võ Thị Trúc L2, sinh ngày 19/02/2013. Hiện nay ông đang nuôi dưỡng cháu L1 và bà N nuôi dưỡng cháu L2. Ông kháng cáo yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L2 và không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N và ông B thỏa thuận ông B được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L1 và bà N nuôi dưỡng cháu L2, ông B tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu L2 mỗi tháng 1.000.000đ, thực hiện từ ngày 02/11/2020 đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông B trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình số: 87/2020/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang đã quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà N về yêu cầu nuôi con chung đối với cháu Võ Thị Trúc L1, sinh ngày 15/10/2008.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Võ Thanh B.

3. Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Võ Thị Trúc L2, sinh ngày 19/02/2013. Ông

Võ Thanh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà Nguyễn Thị N không yêu cầu.

Ông Nguyễn Thanh B có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng cho con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009983, ngày 12/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông Võ Thanh B không phải chịu án phí.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08 tháng 9 năm 2020 ông Nguyễn Thanh B nộp Đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu của ông B được nuôi dưỡng con chung tên Võ Thị Trúc L2.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 phúc xử: Sửa Bản án hôn nhân và gia đình số 87/2020/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, công nhận sự thỏa thuận giữa bà N và ông B: Ông B được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Võ Thị Trúc L1, sinh ngày 15/10/2008, bà N không phải cấp dưỡng nuôi cháu L1. Bà N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Võ Thị Trúc L2, sinh ngày 19/02/2013 và ông B tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu L2 mỗi tháng 1.000.000đ, thực hiện từ ngày 02/11/2020 đến khi con chung trưởng thành. Ông B phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Thanh B kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của ông B theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N và bị đơn là ông Nguyễn Thanh B đã tự nguyện thỏa thuận: Ông B được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Võ Thị Trúc L1, sinh ngày 15/10/2008 và bà N không phải cấp dưỡng nuôi cháu L1. Bà N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Võ Thị Trúc L2, sinh ngày 19/02/2013 và ông B tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu L2 mỗi tháng 1.000.000đ, thực hiện từ ngày 02/11/2020 đến khi con chung trưởng thành. Sự thỏa thuận của bà N và ông B là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Các phần khác của bản án bà N và ông B đều không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị nên được giữ nguyên.

[3] Về án phí: Ông B phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (Về cấp dưỡng nuôi con) và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Án phí được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005159 ngày 24/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên nên ông B còn phải nộp thêm 300.000đ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 308, Điều 300, Điều 315 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 6 Điều 27, Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Sửa Bản án hôn nhân và gia đình số 81/2020/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

3. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Thanh B về quan hệ con chung:

3.1 Ông Nguyễn Thanh B được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Võ Thị Trúc L1, sinh ngày 15/10/2008.

Bà Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do ông Nguyễn Thanh B không có yêu cầu.

3.2 Bà Nguyễn Thị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Võ Thị Trúc L2, sinh ngày 19/02/2013.

Ông Nguyễn Thanh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Võ Thị Trúc L2 mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), thực hiện từ ngày 02/11/2020 đến khi con chung trưởng thành.

3.3 Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Thanh B phải tạo điều kiện cho nhau được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Các phần khác của bản án bà N và ông B không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị nên được giữ nguyên.

4. Về án phí:

4.1 Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Án phí được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0009983 ngày 12/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

4.2 Ông Võ Thanh B phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Án phí được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005159 ngày 24/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên nên ông Võ Thanh B còn phải nộp thêm 300.000đ án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang.
- Chi cục THADS TP.LX
- THADS TP.Long Xuyên
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hà

